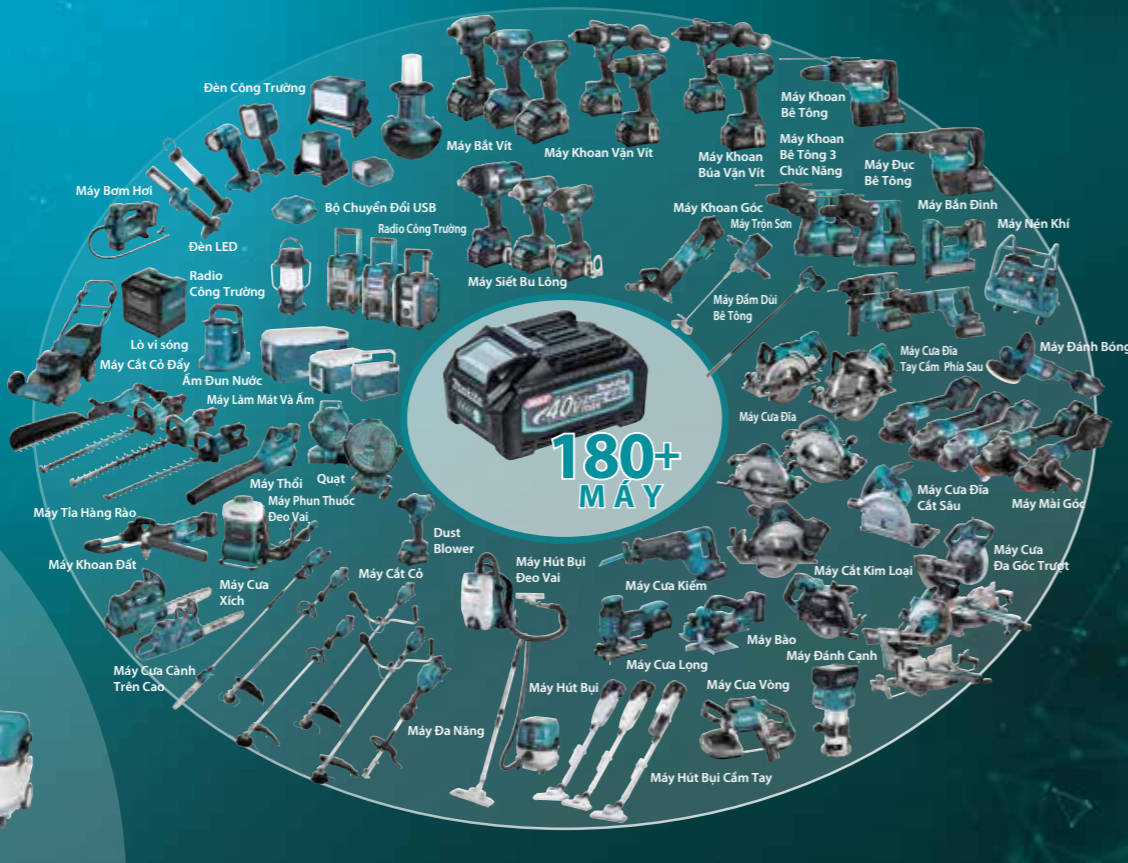


**Công Suất Cao**  
**Độ bền cao**  
**Truyền tín hiệu điện tử**



**XGT**  
**40V Li-ion max**  
**XGT X2**  
**80V max**



**Máy Bắt Vít Dùng Pin TD003GA201/TD003GZ**



Lực siết tối đa  
**210 N·m**

**Lựa chọn lực đập đơn giản**



**4 chế độ**  
Tối đa / Cứng / Trung bình / Mềm cho bu lông  
**Chế độ T**  
(Chỉ dùng cho tãm kim loại mỏng)

**Đèn LED đôi (2 bên)**



Chế độ sáng

**Lắp mũi vít 1 chạm**



Lắp vít dễ dàng hơn nhờ việc giảm lực chèn vít

**Thời gian sạc**

	Sạc nhanh DC40RA	Sạc tiêu chuẩn DC40RC
*1 BL4020 2.0Ah	22 phút	30 phút
*1 BL4025 2.5Ah	28 phút	38 phút
*1 BL4040 4.0Ah	45 phút	67 phút
BL4050F 5.0Ah	50 phút	85 phút
BL4080F 8.0Ah	76 phút	170 phút

\*1 Pin được để xuất

**Máy Bắt Vít Dùng Pin TD002GD202/TD002GZ01**

	Nhiều tốc độ	Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 (5/32 - 5/16") / Ốc tiêu chuẩn: M5 - M16 (3/16 - 5/8") Ốc dãn hồi cao: M5 - M14 (3/16 - 9/16") Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm (7/8 - 4-7/8")
	Hãm bằng điện	Chuôi lục giác	6.35 mm (1/4")
	Kiểu đảo chiều quay	Tốc độ không tải (RPM)	Tối đa / Cứng / Trung bình / Mềm / Gỗ / Bu lông (1) / Bu lông (2) / Bu lông (3) / chế độ T (1) / T (2): 0 - 3,700 / 0 - 3,200 / 0 - 2,100 / 0 - 1,100 / 0 - 1,800 / 0 - 2,700 / 0 - 3,700 / 0 - 3,700 / 0 - 2,900 / 0 - 3,700
	4 tốc độ điện tử	Lực đập (IPM)	Tối đa / Cứng / Trung bình / Mềm / Gỗ / Bu lông (1) / Bu lông (2) / Bu lông (3) / chế độ T (1) / T (2): 0 - 4,600 / 0 - 3,600 / 0 - 2,600 / 0 - 1,400 / 0 - 4,600 / 0 - 4,600 / 0 - 4,600 / 0 - 2,600
	Ổn định tốc độ	Lực siết	Cứng / Trung bình / Mềm: 170 / 50 / 20 N·m
	Có đèn	Lực siết tối đa	220 N·m
	Hộp đựng đồ (Chỉ TD002GD202)	Độ rung	Khi siết ốc ở công suất tối đa: 12.9 m/s <sup>2</sup>
		Độ ồn áp suất	94 dB(A)
		Độ ồn âm thanh	105 dB(A)
		Kích thước (L x W x H)	với BL4020 / BL4025: 119 x 86 x 247 mm với BL4040: 119 x 86 x 252 mm
		Trọng lượng	1.7kg (BL4020) - 2.9 kg (BL4080F)
			TD002GD202: 2 pin 2.5 Ah (BL4025), sạc nhanh (DC40RA). TD002GZ01: Không kèm pin, sạc.
			Phụ kiện kèm theo: Vít (+) M4X12 (266622-8), móc treo (346317-0), mũi vít (+) 2-65

Trọng lượng có thể khác nhau tùy thuộc vào phụ kiện đi kèm, bao gồm cả bộ pin. Sự kết hợp nhẹ nhất và nặng nhất, tùy theo tiêu chuẩn EPTA 01/2014, được hiển thị trong bảng. Các phụ kiện kèm theo và thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực. A3-052023-1

**CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM**

**CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC**  
Khu 5, Số 1, Đường Số 6, KCN - BT - DV VSP Bắc Ninh, X. Phú Chấn, TX. Từ Sơn, T. Bắc Ninh.  
ĐT: 0222 376 5942 Fax: 0222 376 5941

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HÀ NỘI**  
85 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.  
ĐT: 0243 202 2585

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**  
1102 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.  
ĐT: 0236 352 5079 / 0236 352 5179 Fax: 0236 352 5478

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
386 Võ Văn Kiệt, Khu Vực 5, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.  
ĐT: 0292 389 4358 Fax: 0292 389 4358

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUỒN MA THUẬT**  
88 Lê Đức Thọ, P. Thới Bình, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.  
ĐT: 0292 355 4556 Fax: 0292 355 4557

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Số 01 Lê Duẩn, Dị an Hoàng Huy Riverside, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.  
ĐT: 0225 883 1529

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH NHA TRANG**  
Lô 56-58 Đường B6, Khu đô thị Vinh Diễm Trung, Xã Vinh Ngọc, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa.  
ĐT: 0258 220 0039

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**  
Số 12 Trịnh Văn Căn, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.  
ĐT: 0283 821 5181

Lượng công việc  
**310** cái  
Pin: BL4025  
trên 1 pin sạc đầy

Siết vít ren thô 120mm  
vào vật liệu nhựa  
melamine



Lực siết tối đa  
**220 N·m**

**Cấu trúc chống chao đảo**

**Lắp mũi vít 1 chạm**  
Lắp vít dễ dàng hơn nhờ việc giảm lực chèn vít

**Nút chuyển chế độ nhanh**

**Thiết kế mới**

Thiết kế hiện tại đã được thay đổi bằng cách thêm hoa văn và hơn thế nữa.

**Thay đổi tốc độ bằng cò**

**Tay cầm được thiết kế công thái học**

**4 đèn LED ở mặt trước**



- Chiếu sáng sáng hơn trên vật liệu nhờ:
  - Định vị 4 đèn LED ở mặt trước của đầu máy.
  - Giảm các phần đưa ra từ cả hai phía của đầu và thân máy.
- Hiển thị vật liệu rõ hơn nhờ sử dụng thấu kính LED được thiết kế mới để soi sáng hơn.
- Với chức năng sáng trước và tắt sau.
- Cài đặt 3 mức độ sáng.

**Chế độ sáng**

- Để bật đèn, đặt cần gạt thay đổi F / R ở vị trí cân bằng và kéo cò công tắc. Để tắt đèn, hãy kéo kích hoạt công tắc một lần nữa.
- Đèn tự động tắt một giờ sau khi bật.

**XPT**

**Khả năng bảo vệ vượt trội**



## Công nghệ lò xo kép

Ngăn chặn sự gia tăng độ giật và rung, sau khi máy bắt đầu tác động.



Búa được thiết kế truyền động bằng bộ lò xo kép gồm 2 loại lò xo có khả năng chịu tải khác nhau.

## Tăng tốc độ siết vít

Hiệu quả công việc  
Siết vít ren thớ 120mm vào nhựa melamine

lên đến  
**10%**

Hiệu quả công việc  
Khi siết vít đầu vuông Ø9 x 90mm vào nhựa melamine

lên đến  
**25%**

**Lựa chọn 4 tốc độ**



**Tối đa [4]** 4,600 vòng/phút

Bắt vít vào vật liệu, siết vít hoặc bu lông dài.

**Cứng [3]** 3,600 vòng/phút

Ví dụ về ứng dụng:  
Bắt vít vào vật liệu, siết chặt bu lông.

**Trung bình [2]** 2,600 vòng/phút

Ví dụ về ứng dụng:  
Bắt vít vào tấm hoàn thiện hoặc tấm thạch cao.

**Mềm [1]** 1,400 vòng/phút

Ví dụ về ứng dụng:  
Siết chặt vít nẹp hoặc vít nhỏ như M6.

**6 Chế độ hỗ trợ**



**Chế độ gỗ**

4,600 vòng/phút

Mục đích: Siết vít dài.

Tránh vít rơi khi bắt đầu vận. Vận vít với tốc độ thấp lúc đầu. Sau khi bắt đầu tác động tốc độ tăng lên và đạt tốc độ tối đa.



**Chế độ T (tấm kim loại mỏng)**

Mục đích: Bắt vít tự khoan trên kim loại mỏng.

Chế độ này giúp ngăn vít siết quá chặt. Hoàn thành hoạt động nhanh chóng và kết thúc tốt cùng một lúc. Máy siết vít với tốc độ quay cao và tự động ngừng khi vít đã được gắn vào vật liệu.

**Chế độ T (tấm kim loại dày)**

2,600 vòng/phút

Mục đích: Bắt vít tự khoan trên kim loại dày.

Chế độ này giúp ngăn chặn vít bị gãy và rơi ra. Hoàn thành hoạt động nhanh chóng và kết thúc tốt cùng một lúc. Máy siết vít với tốc độ quay cao và giảm tốc độ khi vít đã được gắn vào vật liệu.



**Chế độ bu lông** Mục đích: Theo chiều kim đồng hồ: Siết bu lông. / Ngược chiều kim đồng hồ: Nới lỏng bu lông.

**Chế độ bu lông 1**

Theo chiều kim đồng hồ:  
Dụng cụ sẽ tự động dừng ngay khi nó bắt đầu siết.

Ngược chiều kim đồng hồ:  
Lực siết là 2. Máy tự động ngừng khi vít đã được gắn vào vật liệu.

**Chế độ bu lông 2** 4,600 vòng/phút

Theo chiều kim đồng hồ:  
Máy sẽ tự động dừng sau khoảng 0,3 giây kể từ thời điểm khi phát sinh lực siết.

Ngược chiều kim đồng hồ:  
Lực siết là 4. Máy tự động ngừng khi vít đã được gắn vào vật liệu.

**Chế độ bu lông 3** 4,600 vòng/phút

Theo chiều kim đồng hồ:  
Máy sẽ tự động dừng sau khoảng 1 giây kể từ thời điểm khi phát sinh lực siết.

Ngược chiều kim đồng hồ:  
Máy làm chậm quá trình quay sau khi đã dừng tác động.